

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 02/01/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 423/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị Hồng T**, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp A, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

+ *Bị đơn*: - Bà **Trần Thị N**, sinh năm: 1964.

- Ông **Trần Văn M**, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Số I ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Trần Thị N và ông Trần Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng T số tiền vay vốn là 265.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/12/2021 đến ngày 02/01/2025 là 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 365.000.000 đồng (*ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

Thời gian và phương thức trả các đương sự thống nhất thỏa thuận tại Cơ quan thi hành án.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà T, nếu bà N, ông M chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Ghi nhận việc bà T không yêu cầu bà N, ông M tiếp tục trả lãi số tiền trên đến khi Quyết định có hiệu pháp luật.

2.2. Ghi nhận việc bà T, bà N và ông M không yêu cầu giải quyết những vấn đề

liên quan đến thửa đất số 421, tờ bản đồ số 02, diện tích 101m<sup>2</sup> tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre hiện do bà Lê Thị Hồng T đứng tên quyền sử dụng đất.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Trần Thị N và ông Trần Văn M có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 9.375.000 đồng (*Chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Ông M, bà N có đơn xin miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi nên được xem xét miễn toàn bộ số tiền án phí phải nộp theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

- Bà Lê Thị Hồng T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 9.827.000 đồng (*Chín triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005462 ngày 09/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thúy Hằng**